

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀNG LONG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:12/2019/HS-ST
Ngày 03-4-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Công;
2. Ông Nguyễn Tự Tín.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Thanh Huân – Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 03 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tọa lạc tại khóm 4, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2019/HSST ngày 14 tháng 3 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo Nguyễn Văn L, sinh năm 1991 (Có mặt).

Nơi cư trú: Ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh V; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: kinh; con ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị Thu D; vợ là Phạm Thị Cẩm Th; con có 02 người, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2017; tiền sự: không; tiền án: không; bị bắt tạm giữ vào ngày 29/12/2018; tạm giam ngày 04/01/2019 cho đến nay.

2. Bị cáo Phạm Văn T, sinh năm 1973 (Có mặt).

Nơi cư trú: Số H, khu phố A, phường H1, Quận Q, thành phố M; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: kinh; con ông Phạm Văn N và bà Trần Thị H; vợ là Phạm Thị Anh Đ; con có 03 người, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền sự: không; tiền án: không; bị bắt tạm giữ ngày 29/12/2018; tạm giam từ ngày 04/01/2019 cho đến nay.

- Người bị hại:

1. Bà Trần Thúy D, sinh năm 1980; (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).
2. Ông Lê Ngọc T, sinh năm 1980; (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Đồng nơi cư trú: Ấp Th, xã Đ, huyện C, tỉnh V.

- Người làm chứng:

1/ Ông Lê Hoàng Th (tên gọi N), sinh năm 1988; (Không có mặt tại nơi cư trú).

Nơi cư trú: Ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh V.

2/ Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1967; (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)
Nơi cư trú: Ấp Vĩnh Tr, xã T, huyện B, tỉnh Tr.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ, ngày 28/12/2018, sau khi uống rượu tại nhà Nguyễn Văn L, tọa lạc tại ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh V. Nguyễn Văn L rủ cha vợ là Phạm Văn T và Lê Hoàng Th ngụ cùng ấp đi uống cà phê tại khu vực chợ Bãi X thuộc xã Đ, huyện C, tỉnh V. Trước khi đi, L đưa T 01 thanh kim loại màu trắng, chiều dài 70cm, thanh kim loại một đầu được bẻ cong và được mài đẹp, trên thanh kim loại có chữ CHESSCO 6mm và nói T cất trong người để trên đường đi uống cà phê nếu nhìn thấy có xe mô tô không có người trông giữ thì lấy trộm, T đồng ý. Sau đó, L điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 97F2-8309 của Th chở Th và T đi đến khu vực chợ Bãi X, xã Đ uống cà phê, trên đường đi T nhìn thấy trước cửa nhà bà Trần Thúy D, tọa lạc tại ấp Th, xã Đ có dựng 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, màu sơn đỏ - đen biển số kiểm soát 84L1-167.96 của bà Trần Thúy D và ông Lê Ngọc T không có người trông giữ nên L nảy sinh ý định lấy trộm xe. Khi đến quán cà phê cách nhà bà Trần Thúy D khoảng 500 mét, L kêu Th vào quán cà phê trước còn L mượn xe mô tô của Th chở T đi công việc một chút sẽ quay lại. L điều khiển xe chở T quay lại nhà của bà Trần Thúy D. L đi bộ đến vị trí xe mô tô đang dựng và dẫn xe ra khỏi khu vực nhà của bà Trần Thúy D. Sau đó, L ngồi trên xe mô tô vừa trộm được còn T điều khiển xe mô tô của Th và dùng chân đẩy xe vừa trộm đi khoảng 300 mét về hướng cầu Cổ Chiên thì dừng lại. L dùng thanh kim loại trước đó đưa T bẻ khóa xe mô tô lấy trộm được. Sau khi bẻ được khóa xe, T điều khiển xe trộm được đi đến nhà bà Huỳnh Thị H ở ấp Vĩnh Tr, xã T, huyện B, tỉnh Tr gửi và ngủ qua đêm. Còn L điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 97F2-8309 đến quán cà phê chở Th về nhà. Đến khoảng 9 giờ, ngày 29/12/2018, T đón xe buýt đến nhà của L và rủ L đến nhà bà H lấy xe trộm được đi thành phố Hồ Chí Minh bán. Khi T và L đến nhà của bà H định đem xe đi bán thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C kết hợp cùng Công an xã T, huyện B lập biên bản tạm giữ xe mô tô biển số kiểm soát 84L1-167.96 và 01 thanh kim loại màu trắng mà L dùng để bẻ khóa xe mô tô lấy trộm. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Văn L và Phạm Văn T.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 160/KL.ĐGTS ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C: xe mô tô biển số kiểm soát 84L1-167.96 của bà Trần Thúy D và ông Lê Ngọc T tại thời điểm bị chiếm đoạt, trị giá 15.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 12/CT-VKSCL ngày 14 tháng 3 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long truy tố bị cáo Nguyễn Văn L và bị cáo Phạm Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Văn L và bị cáo Phạm Văn T hoàn toàn thống nhất với nội dung bản cáo trạng của cơ quan Viện kiểm sát nhân dân huyện C và thừa nhận hành vi phạm tội như sau: Vào khoảng 18 giờ, ngày 28/12/2018, tại ấp Th, xã Đ, huyện C, tỉnh V, hai bị cáo lấy trộm của Trần Thúy D

và Lê Ngọc T 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, màu sơn đỏ - đen biển số kiểm soát 84L1-167.96 trị giá 15.000.000 đồng.

Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long: Sau khi phân tích các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Vị đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L và bị cáo Phạm Văn T, mỗi bị cáo từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù về tội trộm cắp tài sản. Thời hạn phạt tù được tính từ ngày bắt các bị cáo là ngày 29/12/2018. Ngoài ra, vị còn đề nghị xử lý vật chứng và buộc bị cáo Nguyễn Văn L, bị cáo Phạm Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Qua quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng: Bị cáo Nguyễn Văn L và bị cáo Phạm Văn T, xin Hội đồng xét xử, xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa Vị đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của luật Tố tụng hình sự và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Càng Long, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, những người bị hại, người làm chứng, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, đồng thời thống nhất với biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản xảy ra sự việc, bản kết luận của hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Càng Long. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1]. Lời nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn L và bị cáo Phạm Văn T tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra Công an huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh thu thập có được.

Do vậy, Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Văn L và bị cáo Phạm Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là phù hợp với quy định của pháp luật, không oan, không sai.

[2]. Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bởi vì, tài sản của công dân bao gồm tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, tư trang, tiền bạc, xe mô tô ... là do quá trình lao động một nắng hai sương mới có được. Các bị cáo có

sức khỏe, đủ khả năng lao động để tạo ra nguồn thu nhập hợp pháp phục vụ cho nhu cầu sống của bản thân và gia đình, nhưng các bị cáo không tích cực lao động. Ngược lại để có tiền phục vụ cho nhu cầu sống của bản thân mà lợi dụng sự sơ hở của người bị hại trong việc quản lý tài sản, đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Cụ thể, khoảng 19 giờ ngày 28/12/2018 tại nhà của bà Trần Thúy D tọa lạc ấp Th, xã Đ, huyện C, tỉnh V, hai bị cáo đã lấy trộm xe mô tô biển số kiểm soát 84L1-167.96 nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu sơn đỏ- đen của người bị hại tên là Trần Thúy D và ông Lê Ngọc T. Sau đó hai bị cáo định đem xe đi bán thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Càng Long kết hợp cùng Công an xã Khánh Thanh Tân, huyện Mỏ Cày Bắc phát hiện nên lập biên bản tạm giữ xe mô tô biển số kiểm soát 84L1-167.96 và 01 thanh kim loại màu trắng mà hai bị cáo dùng để bẻ khóa xe lấy trộm. Sau đó xe mô tô được trả lại cho người bị hại.

[3]. Tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là đồng phạm giản đơn, nhưng hành vi thực hiện phạm tội của từng bị cáo khác nhau. Đối với bị cáo Nguyễn Văn L là người giữ vai trò chính trong vụ án, như khởi xướng, rủ rê, chuẩn bị công cụ và thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo Phạm Văn T là cha vợ của bị cáo Nguyễn Văn L, đáng lẽ ra phải khuyên can không cho L thực hiện, đằng này khi được L rủ đồng ý thực hiện trộm cắp, là người giúp sức, cùng thực hiện. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm hại sẽ bị nghiêm trị. Bản thân các bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng xuất phát từ bản chất lười lao động, để có tiền sử dụng, dẫn đến các bị cáo phạm tội.

[4] Tình hình trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Càng Long thời gian gần đây xảy ra liên tục, gây bức xúc trong nhân dân. Để góp phần ổn định tình hình trật tự tại địa phương và đấu tranh ngăn ngừa tội phạm. Hội đồng xét xử cần phải xử các bị cáo một mức án tương xứng với hành vi của từng bị cáo và tính chất của vụ án nhằm giáo dục các bị cáo, răn đe và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[5] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn L và bị cáo Phạm Văn T, Hội đồng xét xử cũng cần xem xét, sau khi phạm tội các bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối cải, nhất thời phạm tội, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản đã được thu hồi trả lại cho người bị hại, hoàn cảnh gia đình có phần đơn chiếc, khó khăn. Đây là những căn cứ để áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo Phạm Văn T là người giúp sức nên hình phạt được áp dụng nhẹ hơn bị cáo Nguyễn Văn L.

[6]. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Người bị hại bà Trần Thúy D và ông Lê Ngọc T đã được nhận lại tài sản nên không yêu cầu bồi thường, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về vật chứng 01 (một) thanh kim loại màu trắng chiều dài 70cm, thanh kim loại một đầu được bẻ cong và được mài đẹp, trên thanh kim loại có chữ CHESSCO 6mm là công cụ phạm tội, cần tịch thu tiêu hủy.

[8]. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn L và bị cáo Phạm Văn T mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn L và bị cáo Phạm Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Căn cứ: khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo, là ngày 29/12/2018.

- Căn cứ: khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo, là ngày 29/12/2018.

2. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Người bị hại bà Trần Thúy D và ông Lê Ngọc T đã được nhận lại tài sản, nay không yêu cầu các bị cáo bồi thường, Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: tuyên tịch thu tiêu hủy một thanh kim loại màu trắng chiều dài 70cm, thanh kim loại một đầu được bẻ cong và được mài đẹp, trên thanh kim loại có chữ CHESSCO 6mm.

4. Về án phí : Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Buộc bị cáo Nguyễn Văn L và bị cáo Phạm Văn T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho các bị cáo có mặt tại phiên tòa biết, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày án sơ thẩm tuyên. Đối với người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

(Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự)./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Cơ quan điều tra;
- Nhà tạm giữ;
- UBND xã;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Mến

